

Số: 135/2020/QĐST-HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 20 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm: 1991

Trú tại: Thôn 3, xã Ng, huyện S, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn B, sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn 1, xã Ng, huyện S, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị B và anh Trịnh Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

I. * Về con chung: Chị Lê Thị B và anh Trịnh Văn B có hai con chung là cháu Trịnh Văn H, sinh ngày 28/12/2009 và Trịnh Văn D, sinh ngày 10/10/2011. Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu H cho mẹ là chị Lê Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên; giao cháu D cho bố là anh Trịnh Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên, đây cũng là nguyện vọng của hai cháu H và D. Không có bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh Trịnh Văn B và chị Lê Thị B đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về tài sản và công nợ:** Tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của vợ chồng, tài sản người ngoài nợ vợ chồng, vợ chồng nợ người ngoài hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Chị Lê Thị B và anh Trịnh Văn B tự nguyện thống nhất thỏa thuận chị Lê Thị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 2.262.000đ (hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0003968 ngày 4/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, nh^ư vậy chị B còn đ^uợc nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 2.112.000đ (hai triệu một trăm mười hai nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Thọ Ngọc;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Đại Long